

BẢN LUẬN QUYỂN 34

Từ đây trở xuống, là phần thứ hai nói về thú hưởng xuất thế gian, ở đây, trước là kết, sau là sinh, kế nói về bảy tác ý. Sau tổng kết.

Trong phần trước nói lần lược sinh khởi bảy thứ tác ý, cho đến chứng được quả A-la-hán. Ba phương tiện tu tác ý liễu tướng, tự hiểu rõ các tướng trạng mười sáu hạnh v.v... của bốn đế. Tu tác ý thắng giải trong bốn căn lành, do kiến tạo gần với công hạnh tu để trong tâm thắng giải, tu tác ý xa lìa, trong kiến đạo, có thể thấy hết “ hoặc ” của cõi Sắc, Vô Sắc, cho đến tám Vô gián vị lai Phi tướng là gồm thân phần vị đã tác động của tác ý lạc. Tác ý quán sát đối với xứ đã dứt, chưa dứt trong phần vị tu, có thể quán sát biết, dứt “ hoặc ” Phi Tướng, định kim Cương dụ của đạo Vô gián thứ chín là tác ý rốt ráo gia hạnh. Tận vô sanh trí là quả vị rốt ráo gia hạnh.

Mượn tướng trong văn để làm phân biệt, luận thật ở mỗi chỗ đều có bảy tác ý.

Y cứ ở phần thứ hai, trong phần nói về bảy tác ý dấy khởi sự tu tập theo thứ lớp, nếu đưa vào bốn câu trong bài tụng đề sắp xếp, thì nên chia làm bốn. Nay, y cứ vào văn này nhằm nói về thứ lớp của bảy tác ý nhằm tu khởi, tức thành bảy đoạn.

1/ Giải thích về tác ý liễu tướng ở đây có hai.

a- Lược nói dựa vào giáo pháp để Tu Tập, dùng mười sáu hạnh để rõ tướng bốn đế, gọi là liễu tướng.

b) Nói rộng về mười sáu hạnh nhằm hiểu rõ tướng bốn đế.

Trong phần trước, đế lý riêng, mỗi đế đều có thích biểu riêng, thích biểu đầy đủ, gọi là khéo nói.

Lại giải thích về pháp luân bốn đế trong ba pháp luân, gọi là biểu giản lược.

2/ Thứ hai, lấy bỏ danh làm nói rộng. Nói “hoặc” đã khéo tu tập về tác ý v.v... nghĩa là tác ý trong định Vị Chí đã khéo tu tập, hoặc được tinh lự căn bản Vô Sắc.

Y cứ ở nói rộng thứ hai, chia làm hai:

1) Giải thích riêng mười sáu hạnh, hiểu rõ tướng bốn đế.

2) Bàn rõ về địa vị.

- Trong phần trước gồm có ba:

a) Nói về quán sát bốn đế cõi Dục

b) Nói về bốn quán đế của cõi trên.

c) “Phải biết rằng trong đây”.

Trở xuống, là tổng kết hai trí, tức là chủ thể sinh chỗ nương của pháp loại trí chủng.

Trong phần đầu trước là giải thích; sau là tổng trong phần trước, chia làm bốn:

- a) Giải thích rõ về khổ đế, chia làm ba:
- b) Nêu mười hạnh, ngộ nhập bốn hạnh.
- c) Giải thích riêng mười hạnh nhập bốn hạnh.
- d) Tổng kết mười hạnh thuộc về bốn hạnh.

3/ Trong phần giải thích riêng, đầu tiên tổng kết mười hạnh dựa vào ba lượng để quán, sau đó giải thích riêng.

Trong giải thích được chia làm bốn:

- 1) Năm hạnh đầu ngộ nhập hạnh vô thường.
- 2) Ba hạnh kế là hành của ba khổ: Lạc khổ, khổ thọ, và xả thọ, ngộ nhập hành khổ.
- 3) Hạnh vô sở đắc ngộ nhập “không hạnh”.
- 4) Hạnh tụ tại, ngộ nhập vô ngã.

4/ Trong phần đầu, dùng ba lượng để quán tánh chất vô thường.

Y cứ phần đầu, nói dựa vào chí giáo nói rằng: “Như trải qua bảy ngày là nói rộng, tức trải qua kiếp. Vì nói việc của bảy ngày, nên gọi là trải qua bảy ngày. Kế là, nói về hiện lượng dựa vào giáo pháp sinh kính tin. Về hạnh vô thường được quyết định.

Do năng lực tăng thượng của tâm kính tin như thế nên thường tâm, từ, quán sát tất cả, hiện thấy không trái với tánh chất vô thường, nghĩa là ở trước an lập hai sự trong, ngoài: Trong là sáu xứ v.v... ; sự ngoài có mười sáu, thứ như văn đã nêu. Sự trong ở đây có mười lăm thứ đối tượng tác động đối khác, cũng như văn nêu. Lại có tám thứ nhân duyên đối khác, cũng như văn đã nêu.

5/ Trong giải thích dưới đây, từ sau tới trước, giải thích về tám thứ nhân duyên đối thay khác. Kế là giải thích mười lăm sự đối khác của sự trong: sau, giải thích mười sáu thứ đối khác của sự ngoài.

6/ Trong giải thích tám nhân duyên đối khác rằng: Gió bị người vỗ trống voley, nghĩa là gió to nổi lên, quạt áo ướt v.v... nghĩa là có áo ướt, đôi khi đất ướt. Hoặc lúa mạ v.v... bị gió to quạt, làm cho khô héo, như người đời nói lúa mạ này quá khô.

Dưới đây là phần kết: Tất cả các pháp trong ngoài, sắc, Vô Sắc đối thay khác nhau đều do tám nhân duyên như thế.

7/ Giải thích mười lăm việc trong rằng: “lời nói thô”. Pháp sư Thái, Pháp sư Cơ đồng nói “vì nóng, nên khô khan khi nói năng. Như

người đời nói: Lời lẽ khô khan nụ cười ướm át.

Loanh quonanh co quắp, nghĩa là do xúc đối với thuận lạc thọ; xúc nhận lãnh lạc; khi xúc “duyên” đối tượng sinh ra lạc, tự nó có thể phân biệt rõ phần vị của lạc thọ.

Pháp sư Cơ nói rằng: “Nay, vì mới nêu lạc, xúc, chưa nói về khổ v.v... nên nói là do xúc đối với lạc thọ xúc, tức là phân biệt với khổ thọ. Nhận lãnh lạc xúc khi “duyên” sinh ra lạc. “Duyên” lạc, xúc tức là cảnh, chủ thể sinh ra xúc lạc. Nay ý nói nhận lãnh thuận với cảnh xúc lạc lúc sinh ra niềm vui, có thể tự biết rõ là phần vị lạc thọ.

Trong 16 việc ngoài, Pháp sư Cảnh nói: “Sầu thứ trước là thuộc về sự thọ; Mười thứ sau, là sự dụng cụ mà thân nhờ vả. Sáu thứ thuộc về sự của thọ, là:

- 1, Sự của Địa.
- 2, Sự của vườn tược.
- 3, Sự của núi non.
- 4, Sự của nước.
- 5, Sự nghiệp.
- 6, Sự của kho lẫm

Mười vật giúp thân là:

- 1/ Thức uống,
- 2/ Thức ăn,
- 3/ Xe cộ.
- 4/ Quần áo.
- 5/ vật trang nghiêm.
- 6/ Sự ca múa, nhạc v.v...
- 7/ Sự đeo tràng hoa thơm.
- 8/ Sự dụng-cụ nuôi dưỡng.
- 9/ Sự sáng, tối.
- 10/ Sự nam, nữ.

Nếu y theo danh đã nêu ở trước, thì thức uống, ăn đều là một sự. Nay, trong giải thích, thức uống ăn hợp thành một giải thích.

Thứ ba, trong lấy tử-lượng quán vô-thường. Rằng, tức do sức tác-ý tăng thượng hiện không thấy như thế nên quán sát tánh chất vô thường của sự đối khác. Đây là nhắc lại kết ở trước, cho đến “nên chính so sánh, v.v... đến nay, là nói về pháp của các sắc v.v... phần lớn diệt, hoại dễ biết, sát-na sinh diệt khó biết, vì vi tế.

Nay, muốn phân tích trước về phát ra đầu mối của Luân. “Thế nào là so sánh, suy lường” trở xuống, là chính thức nói về vô-thường tế,

ở đây có hai:

1/ Lấy thô sánh với tế.

2/ Lấy quả hiện đã thọ lãnh để so sánh với nhân không hiện thấy trong quá-khứ.

Trong phần trước, dựa theo Pháp sư Khuy Cơ giải thích, cho đến: “Thế nên, các hành nhất định phải có sát-na sinh diệt đến nay”, là nói do đó có sinh diệt tiểu vi-tế, nên được có sinh, diệt biến đổi, chứ chẳng phải do pháp dừng trụ mà có sự biến đổi, chẳng phải do thấy sự sinh, diệt v.v... nhỏ bé mà biết có nghĩa sinh, diệt rộng lớn.

Từ “Các duyên kia kia vì hòa hợp có trở xuống, cho đến sinh xong, không đợi nhân duyên diệt hoại, tự nhiên diệt, hoại đến nay”, là giải thích vấn nạn điều phục rằng: “Diệt có nhân-duyên, nghĩa là vấn nạn điều phục rằng: “không biết sinh, diệt đều có nhân duyên phải không?” Nay, nói chung Pháp này do các duyên hòa hợp nên có sinh, sinh thì có nhân duyên, không đợi nhân duyên mà tự nhiên diệt hoại, tức pháp diệt không có nhân duyên.

Từ “Như thế, đã có nhân duyên đối khác, cho đến hoàn toàn không sinh khởi đến nay, là nói về giải thích vấn-nạn điều-phục rằng: “Như thế, mặt trời chiếu lá xanh, làm cho nó vàng, là xanh này há không do mặt trời nên khiến màu xanh không biểu hiện, tức mặt trời là duyên màu xanh hư hoại?”

Nay, giải thích rằng mặt trời, có thể đổi thay màu xanh thành màu vàng úa. Như thế, sao ông nói mặt trời là nhân-duyên của sự thay đổi khác? Vì mặt trời này chính là nhân-duyên của màu xanh vàng úa sau, chứ chẳng phải nhân duyên của màu xanh hư hoại ở trước. Vì sao? Vì người đời hiện thấy màu xanh ở trước diệt mất rồi, hiện đang thấy màu vàng úa sinh sau. Màu vàng úa này không giống với màu xanh, có thể được màu vàng này sinh là màu xanh, nên biết được mặt trời làm duyên cho màu vàng úa sinh, chứ chẳng phải màu xanh diệt làm duyên. Nếu mặt trời chiếu màu xanh hoại rồi, về sau, màu vàng bất sinh, thì có thể mặt trời làm duyên cho màu xanh. Sự tắt mất có duyên sinh màu vàng úa sau, tức có sinh, chứng tỏ rằng mặt trời làm duyên cho màu vàng sau sinh, chứ chẳng phải màu xanh hoại làm duyên, chẳng phải tất cả Pháp kia hoàn toàn không thể được. Nếu màu xanh mất rồi, tất cả Pháp sau hoàn toàn không thật có, tức mặt trời làm “duyên” cho màu xanh hoại” Dưới đây giải thích ngược lại: “Hoặc có các hành đã diệt hoại rồi, cho đến cũng không thể được đến nay”, là vấn nạn của ngoại đạo. Nếu diệt này đã có pháp khác sinh, có thể giải thích như trước. Nếu pháp này diệt

rồi, không có pháp khác sinh, thì làm sao nấu nước, làm “duyên” cho nước cạn hết, cho nên biết pháp diệt được có nhân duyên.

Nói “Pháp kia cũng là nhân-duyên sau sau, lần lượt cho đến tác động sự như thế đến nay”, Luận-Chủ giải thích: “Ở đây đồng với giải thích trước: nấu nước, nước, lửa đều có làm “duyên” cho pháp sinh sau, sau. Sau cùng, lúc không có nước, không do lửa làm cho không có nước. Thế nước tự nó không có khiến cho lửa không có “duyên” Pháp sinh sau, cho nên, giờ đây, pháp diệt cũng không có nhân-duyên.”

Pháp sư Cảnh nói do sức lửa nên giúp cho nước tăng trước trước, sinh nước giảm sau sau, cho nên, lửa là nước tăng trước so với nước giảm sau, để làm nhân cho sinh. Nước tăng trước trước sinh rồi, tự diệt, lại không đợi nhân, cho đến niệm sau cùng, nước không thể làm nhân lại sinh ra nước sau tự nhiên diệt mất. Cho nên, nước sau lẽ ra bất sinh, gọi là nước tiêu hết, chậu đựng nước vỡ nát cũng thế. Đại ý đồng với cách giải thích của Pháp sư Cơ. Pháp sư Cơ lại giúp cho vấn nạn: “Tức mặt trời làm “duyên” cho màu vàng sau sinh, cũng làm “duyên” cho màu xanh trước diệt, há không được ư?”

Đáp: “Không đúng! Vì nếu một nhân-duyên có thể sinh, diệt thì sự sinh, diệt sẽ trái nhau, duyên đã trái nhau, làm sao là một được? Nếu duyên năng sinh là một, thì pháp được sinh lẽ ra không trái nhau, lẽ ra cũng là một? Lại, nếu Pháp diệt có nhân-duyên, thì nhân-duyên có thể có pháp sở hữu tức là diệt. Diệt là nhân duyên, có nhân-duyên tức là chủ-thể sinh, đây là nhân duyên sinh sinh, đâu có quan hệ với sinh, diệt. Cho nên, biết pháp diệt tự nhiên diệt.

Thứ hai là dùng quả đã thọ trong hiện tại để so sánh biết ở quá khứ không hiện thấy trong nhân. Rằng, nếu chỉ dùng tự-tại kia làm “duyên” thì các hành này và tự-tạikia lẽ ra đều cũng vốn có, đâu cần người sinh? Ý vấn nạn này, nếu tự-tại là vốn có, thì cũng có lúc tự-tại, thì có các hành. Các hành đã đồng thời với tự-tại, nên biết các hành cũng là vốn có. Nếu là vốn có, tức là thường trú, không nên gọi là “hành”, vì “hành” trong nghĩa kia chẳng phải vốn có.

Người khác đã thấy vấn nạn này rồi, bèn lại lập luận: “Tự tại là tự vốn có, còn các hành thì mới sinh ở sau”, nên kể nói rằng: “Nếu nói ở trước có tự-tại v.v...”. Thấy họ thay đổi lập-trường, Luận-chủ lập tức vấn nạn liên tiếp: “Nếu hành tự tại về sau mới sinh, thì đây là các hành chứ chẳng phải chỉ tự-tại sinh. Lại, vì dùng duyên riêng, nên kể luận rằng: “Đây là các hành không chỉ tự-tại làm duyên sinh khởi. Nếu dùng tự-tại làm “duyên”, thì vì khi tự-tại có, sẽ có các hành, nên tức lẽ ra

đều cùng vốn có. Nếu các hành mới sinh, thì đây là do kỳ nguyện, nên kế là cách hành sau mới phát. Nếu các hành dùng dục để kỳ nguyện làm nhân, thì vì sao chỉ nói tự-tại làm nhân? Cho nên, kế nói rằng: “Nếu nói tự-tại tùy theo công dụng kỳ nguyện v.v... mà người ta đã muốn, đã tha hồ lấy dục làm nhân, thì càng phải gạt phá”, nên kế nói rằng: “Nếu vậy, thì sự ham muốn này có nhân chăng? Giả thuyết “dục” có nhân, tức dùng tự-tại làm nhân, thì vì tự-tại vốn có, nên “dục” lẽ ra cũng vốn có. Khi có tự-tại, tức là có dục, như đã phá các hành ở trước, nên kế nói rằng: “Nếu nói có nhân, thì dùng tự tại v.v... Muốn dùng tự tại làm nhân, đã phá rồi, sau, lại còn có nhân khác chẳng phải dùng tự-tại làm nhân”. Nếu vậy, muốn có nhân riêng, như các hành ở trước, dùng công dụng riêng của dục để cầu nguyện làm nhân. Nay, nói: “Lại, dùng công dụng của dục để cầu nguyện pháp riêng ngoài tự-tại làm nhân, đây là các hành có riêng sinh nhân, đâu nêu vọng chấp không có dùng tự-tại”, cho nên kế là nói: “Nếu nói dục này còn có nhân v.v... khác, như thế, đại khác do ba năng lực tác-ý tăng thượng, cho nên đồng, nghĩa là kết tác ý của ba lượng trên.”

Kế là, nói trong hạnh lìa riêng, đầu tiên là nhắc trước, để khởi sau, kế là, giải thích; sau, là kết.

Trong phần trước nói rằng: “Năm hạnh v.v... đã nêu ở trước: quyển đầu nói: “Do mười thứ ngộ nhập Khổ Đế trong bốn hành khổ phẩm hạ, ngộ nhập vô thường trong năm thứ hành ở trước, hành thay đổi khác trong năm hành này, tức ở trước đã nói về tám nhân duyên, mười lăm thứ, mười sáu thứ v.v... thay đổi khác”.

Thứ hai, là Hành diệt hoại, tức trước đây đã nói về sự so sánh, so lường có sát-na sinh, diệt v.v... là hành diệt, nên nói: “Đã nói về hai hành”. Nay, thứ ba, “Sao lại do lìa riêng hành, nên quán tánh chất vô thường?”

Trong giải thích nói: “Phi ái” là oán và của cải v.v... chung, nghĩa là đồng tài, hoặc do hạnh ác gia hạnh mất mát hư hoại, nghĩa là vì tạo ra mất lợi, gọi là ác tác.

Trong pháp tánh hạnh nói: “Nghĩa là tức sở hữu đổi thay khác vô thường v.v... Ở đây ý nói như lạc thọ hiện tại, chính khi thức thọ niềm vui chưa đổi thay vô thường, dùng ba thứ hành vô thường đổi thay ở trước để quán lạc thọ hôm nay đối với đời sau, tất nhiên, sẽ vô thường.

Như thế, thông suốt qua lạc thọ như thế, đến đời sau, chắc chắn sẽ vô thường, nên gọi là tánh pháp vô thường.

Hành hợp hội, nên quán vô thường: tức dùng ba thứ vô thường

ở trước để quán pháp hiện tại. Vì kết hợp, hội tụ với ba thứ vô thường này, nên gọi là hợp hội vô thường, tức lạc thọ ở trước truyền vào ba vô thường này trong đời hiện tại.

Thứ hai, là nói về ba hành ngũ nhập trong Hành khổ, rằng: “Như thế, do đạo lý chứng thành và vì tu tăng thượng cho đến thu nhập Hành khổ”, là kết trước, khởi sau, nghĩa là trước đã nói về lượng Chí giáo, và hiện thấy và so sánh so lường. Ba thứ này chính là đạo lý chứng thành trong đây. Và vì tu tăng thượng, tức hiểu đạo lý của Chí giáo”. Kế dưới đây nói: “Nương tựa giáo hạnh: sức tác ý tăng thượng đức tin tịnh, hoặc do sức tăng thượng hiện thấy; hoặc do như thế là vì sức tăng thượng so sánh suy lường, là trong đây và vì tu tăng thượng.

Hiểu lượng Chí giáo v.v... kia trở xuống, là mỗi pháp quan riêng, tác ý này tức tu tăng thượng.

Kế là, giải thích, sau là kết. Giải thích cách giải thích thứ hai, trước hạnh không đáng yêu, kế giải thích thứ nhất, do hạnh kiết phước với thứ lớp trong nêu danh không đồng.

Thứ ba, là giải thích hạnh không yên ổn, trong phần đầu “Thực hiện tư duy này, các hành như thế đều là vô thường”, cho đến “Như thế do hạnh không đáng yêu thu nhập hành khổ v.v...”, Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Theo văn dưới nói: “Về chủ thể thuận theo các hành khổ thọ và trong khổ thọ, ái hạnh không đáng yêu thu nhập khổ khổ, tức dùng hạnh này thu nhập khổ khổ trong ba. Bảy khổ trước thuộc về hành không đáng yêu này, bảy khổ đều là khổ khổ. Nếu theo luận Đối Pháp và văn ở chỗ khác thì năm khổ trước trong bảy khổ là khổ khổ; hai khổ sau là khổ hoại, trái với văn này”. Lại giải thích: “Bảy khổ trước đều là ái hạnh không đáng yêu. Trong bảy hạnh không đáng yêu thì năm hạnh trước là khổ khổ, nay hạnh không đáng yêu là hạnh kiết phước, hành không yên ổn. Ba hành này và ba tướng của ba khổ, vì từ gồm thâu, tức tướng từ gồm thâu trong không đáng yêu, dù chỉ có hai khổ, nhưng đều thuộc về hành khổ khổ. Vì ít theo nhiều, nên cả hai khổ đều là hạnh khổ khổ. Vì ít theo nhiều nên hai khổ đều là khổ khổ. Lại vì khổ này thuận với sinh khổ thọ v.v... Nên dù có bảy mà đều là khổ khổ. Vì sao? Vì kế là thứ hai, nói trong hành kiết, phước do hành kiết, phước thú nhập hoại khổ, tức ở chỗ kiết, phước tham ái, lại sinh ra tham ái v.v... chiêu cảm (gây nên) uẩn khổ lớn thuận túy sinh, già, bệnh, chết v.v... tức bảy khổ thuận sinh lạc thọ là khổ Hoại. Cho nên, biết thuận sinh khổ thọ là khổ khổ, vì thuận với phi khổ, lạc thọ, sinh Xả thọ là hành khổ. Dưới đây là phần kết thu nhập ba khổ. Văn luận trước, sau không đồng là dùng tánh,

tướng để tìm kiếm nghĩa “Tùy” là hiểu rõ. Lại, gồm thâu môn nghĩa khác nhau. Luận Đối Pháp kia y cứ ba khổ, gồm thâu tám khổ, nên biết năm khổ là khổ khổ. Luận này lấy ba hành gồm thâu tám khổ, nên hành không đáng yêu là bảy khổ trước. Nay vì ba khổ gồm thâu ba hành, nên khổ khổ gồm thâu hành không đáng yêu là khổ khổ, không lấy khổ khổ gồm thâu hành không đáng yêu thuộc về bảy khổ làm khổ khổ. Vì thế không trái nhau.

Môn nghĩa gồm thâu riêng, nói về hữu lậu, “hữu thủ”. Pháp sư Cảnh nói: “Lậu là phiền não, Thủ chỉ là ái. Trừ diệt các khổ, tập khác của ngoại đạo, đều là chủ thể sinh ra lậu. Lại, từ duyên sinh, gọi là hữu lậu. Từ “Thủ” mà sinh, lại vì kiết sinh “thủ”, nên gọi là “hữu thủ”. Do hành không yên ổn thuận theo trong uẩn phi khổ, lạc, thu nhập hành khổ, nói chung là thể của hành, tức lấy tất cả thuận với các uẩn hữu lậu của ba thọ. Trong văn vì phân biệt thuận với các uẩn khổ khổ, khổ hoại, cho nên, chỉ nói là thuận với các uẩn hữu lậu phi khổ, lạc, dùng làm hành khổ. Trong đây do nói Lại-da, gọi là thuận với “uẩn xả”, do có hạt giống khổ, lạc theo đuổi nhưng trong văn nói thuận với tất cả hạt giống khổ lạc đã theo đuổi các uẩn không chỉ lấy Lại-da kia, nên biết ở đây y cứ ở chỗ chưa lập Lại-da để nói cho nên nói chung, các uẩn khổ, lạc hạt giống tùy theo.

Như thế, do hành kiết, phược, kể cả các thọ sở hữu đều là khổ, nghĩa là đem khổ này để nói về ba hành hội tụ với ba thọ mà trong kinh đã nói, đều là ý khổ.”

Nói về hạnh vô sở đắc, thú nhập không hạnh. Pháp sư Cảnh nói: “Quán tâm nối tiếp nhau, là pháp thứ hai chỉ có tâm mình vì ngoài tâm không có ngã, nên gọi là “không”, tức uẩn, ngã là không gọi là vô ngã.

Nói về hành không tự tại, nhập hạnh vô ngã. Pháp sư Khuy Cơ nói: “hai hạnh không, vô ngã đâu có khác nhau. “Không”, nghĩa là nhất định ở thể; vô ngã nhất định ở dụng, tức chấp có tự thể, gọi là “hữu”, lấy “không” để dứt bỏ, chấp có dụng; gọi là ngã, dùng vô ngã để dứt bỏ.

Trong giải thích tập đế có ba lần “Lại nữa”.

Trong “lại nữa” ban đầu, giải thích nhân, tập khởi, duyên rằng: “nghĩa là biết rõ ái, vì chủ thể, dẫn sinh khổ, nên gọi là nhân”. Pháp sư Cảnh nói: “Chỉ có ái kia, hẳn có công năng dẫn sinh khổ, nên ái đối với khổ, nói chung là nhân”.

Pháp sư Khuy Cơ nói “Nếu ở hiện tại gặp phải một cảnh lạc thọ,

qua đó khởi ái thì phải biệt rằng, huân xông ái trở thành hạt giống. Khi ái này đã thành hạt giống, lại giúp cho hạt giống sinh v.v... ở đời sau sẽ được tăng trưởng trong đó. Ái này đối với hạt giống sinh v.v... này, có thể dẫn sinh, nên gọi là Nhân. Đã dẫn sinhkhổ rồi, lại chiêu cảm, nhóm họp, làm cho nghiệp kia sinh, nên nói là Tập”.

Pháp sư Cảnh nói: “Ái dẫn khổ xong, lại chiêu cảm nhóm họp nghiệp để cho khổ đương lai sinh, gọi là Tập.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tức ái ở trước, chủ thể thấm nhuần chi hành đều thành hữu tập sinh ra quả đương lai. Ái này có thể gom góp nghĩa khác, gọi là tập. Đã sinh khổ rồi, còn khiến cho khổ ấy khởi, nên gọi là khởi”.

Pháp sư Cảnh nói: “Đã gom góp khổ đương lai của nghiệp kia sinh rồi, nay, lại giúp cho khổ khởi, nên gọi là ái là khởi”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tức ái đã huân tập hạt giống rồi, hay khiến cho hạt giống khổ sinh ra hiện hành khổ sinh v.v... Vì ái, hay làm cho hạt giống sinh v.v... khởi hiện hạnh, nên gọi là khởi. Lại nữa, đối với hạt giống các khổ ở đương lai, vì có công năng nhiếp thọ, nên theo thứ lớp chiêu cảm dẫn sinh các khổ, tập, nên gọi là “Duyên”.

Pháp sư Cảnh nói: “Ái này chẳng những trực tiếp dẫn sinh khổ hiện khởi và nổi khổ sẽ khởi, mà còn có thể chiêu cảm dẫn sinh hạt giống khổ của thức v.v... ở đương lai, giúp nó càng tăng trưởng, nên nói là “Duyên”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Chính ái đã có thể nhiếp thọ, huân tập tăng trưởng hạt giống khổ ở đương lai, chủ thể làm cho khổ sinh v.v... ở vị lai theo thứ lớp sinh khởi các sự sinh khổ, tập, được gọi là “Duyên”.

“Lại nữa” đầu tiên này hơi đồng với Luận Đối Pháp quyển sáu, nên cứu xét kỹ. Lại, y cứ về mặt chung, riêng không đồng. Về nghĩa của nhân kia, nghĩa là các ái, chủ thể yêu tự thể ở vị lai, gọi là dẫn khổ là chung, ba thứ còn lại là riêng. Đã dẫn sinh khổ rồi, do ái, chủ thể khiến cho quả của năm đường ba cõi hiện ở trước, vì quả vị lai nhóm họp, nên gọi là tập. Đã dẫn sinh quả năm đường rồi, ái có thể tùy theo khiến cho sinh của một đường người v.v... hiện ở trước gọi là sinh. Đã sinh một đường người hiện ở trước xong, ái còn có thể khiến các phần vị sinh v.v... trong thân người này theo thứ lớp sinh hiện ở trước, gọi là “duyên”. Ba thứ này là thứ lớp sinh riêng. Xét Luận Đối Pháp quyển sáu kia đồng với luận này”.

Đại ý lần “Lại nữa thứ hai, tức chi ái làm nhân cho chi thủ; chi ái đối với chi Hữu là tập, chủ thể nhóm họp các nghiệp, tức chi Ái khiến

chi Sinh hiện ở trước, gọi là khởi, tức Chi Ái, chủ thể theo đuổi dẫn phát chi Già chết hiện ở trước, gọi là duyên xa.

Pháp sư Cảnh giải thích về “lần lại nữa” thứ hai: “Biết Ái trong mười hai chi là nhân của Thủ, nên gọi là nhân. Ái này chẳng những trực tiếp là nhân của thủ kia, mà còn là chủ thể chiêu cảm gom góp “Hữu” mà Thủ đã sinh. Vì e rằng sẽ lẫn lộn với ba Hữu, nên ở đây nêu Thủ làm nhân cho Hữu, nên nói: “Tức lấy Thủ kia làm Nhân cho Hữu”. Lại, vì dẫn phát già, bệnh, chết v.v... nên gọi là “Duyên”. Ý nêu sinh làm “duyên” là đối với già, bệnh, chết đã sinh dùng làm nghĩa “Duyên”.

Trong lần “Lại nữa” thứ ba, Pháp sư Cảnh nói: “Nghĩa là chính biết rõ đến nhân sinh hữu sau, là tác ý liễu tướng. Lại chính thức biết rõ tùy miên ái của Lại-da y là nhân của Hữu sau. Và chính biết rõ tùy miên ái kia đã sinh ra triền, tùy theo những gì thích ứng với nó là duyên tập khởi, nghĩa là giải thích chung tùy miên đã sinh khởi Triền là “duyên” nhóm hợp khởi. Dưới đây giải thích riêng, nghĩa là tìm kiếm Ái của Hữu sau, chiêu cảm, nhóm hợp Hữu sau, gọi là Tập. Ái của Hữu sau này lại là chủ thể phát ra Hỷ, tham tự thân ở hiện tại, vì đều hiện hành ái, nên gọi là “khởi”, Hỷ Tham đều vận hành Ái, lại làm duyên cho Hỷ Ái kia với nhiều thứ của cái, dụng cụ, tức là “Duyên”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ý giải thích lần “Lại nữa” thứ ba, là biết rõ hạt giống các “hoặc” phụ thuộc, đã nương tựa bản thức; biết tùy miên ái v.v... nhân sinh ra Hữu sau ở đời đương lai, gọi là nhân, tức biết nghĩa hạt giống của ái: sinh ra quả đương lai, gọi là biết nhân. Một thứ hạt giống hiện hành ở ba thứ sau, gọi là ái. Ái lại chiêu cảm nhóm hợp hữu sau, nên gọi là Tập. Ái của Hữu sau này làm “Duyên” lại là chủ thể phát khởi cảnh ở hiện tại, khởi, hỷ, tham “ái câu hành”, gọi là “khởi”, tức lấy ái “ái câu hành” này làm “Duyên” cho cảnh ở vị lai khởi lên Hỷ lạc, ái kia gọi là “Duyên”. Trong đây không nói bốn thứ ái, ái này yêu đắm tự thân. Lại, ái này tức bốn ái: Thứ nhất gọi riêng là ái, ái này là ái chung, với tướng trạng của nó khó biết. Nay, dùng hạt giống để gọi là, thật ra chung cho cả hiện hành. Văn luận dù nói là phiền não chung, nhưng đại ý lấy ở ái. Ái này có công năng dẫn sinh quả vị lai, ba thứ còn lại là ba ái.

Nói ái của hữu sau này lại có thể phát khởi hỷ tham” ái câu hành” Hỷ tham, ái câu hành, là “duyên” hiện cảnh mà khởi, đều cùng do này “duyên” tự thể ở vị lai, vì yêu thân vị lai. Đối với cảnh hiện tại, vì cũng sinh ra ái, nên gọi là “ái câu hành” do ái của hữu sau làm nhân. Lại do hiện tại tương ứng với cảnh mâu nhiệm, vì khởi ái, nên đối với cảnh

nhệm mầu ở vị lai, cũng khởi hỷ, ái kia kia, cho nên, hỷ, ái kia kia cũng do “ái câu hành” làm duyên.

Trong giải thích rõ tập đế thuộc bốn hành của diệt đế không có thừa, gọi là diệt, khổ đế không có thừa gọi là Tĩnh, tức hai thứ trước. Đế nhất tối thắng vô thượng, gọi là diệu tức hai thứ trước. Thường trú xuất ly gọi là lìa.

Trong giải thích về bốn hạnh của đạo, đối với cảnh diệt sở tri, có thể là con đường hành đạo, nghĩa tìm kiếm chung, gọi là đạo. Vì đường đạo đi suốt qua pháp đã tìm kiếm. Đối tượng tìm kiếm có cả luống dối và chân thật; đối tượng tìm kiếm chung này là chân thật, chứ chẳng phải hư vọng, gọi là Như. Vì phân biệt với luống dối, nên chẳng phải chỉ có thể tìm kiếm chân thật đối với diệt đế, mà cũng rất dễ hiểu như thật về môn bốn đế, đều có tùy chuyển gọi là hành. vì trải qua bốn đế, nên hành trải qua dục của bốn đế, là gì? Là xuất ly sinh tử hoàn toàn, vì nghĩa thú hưởng Niết-bàn, nên gọi là ra khỏi, ra khỏi các trần lao.

Trong nói về quán bốn đế của cõi trên, đầu tiên, trước kết, sau sinh. Thứ hai, chính giải thích, nghĩa là sở hữu kia, cho đến đều có tánh như thế v.v...

Pháp sư Cảnh nói: “Đây là nói về thể của khổ đế hữu lậu, hữu vi của hai cõi trên, khắp tất cả chỗ sinh của cõi trên. Thể của Tập như ái v.v... khắp hạt giống của năm môn. Ở khắp ba đời, đều có khổ, tập như thế, có pháp đều tùy theo đạo lý của tập đế như thế”. đều có tánh của khổ đế như thế.

Dưới đây, là nói về diệt, đạo của cõi trên rất dễ hiểu.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đại ý trong đây nói, dùng bốn đế lý để quán hiện cõi này đã thấy các uẩn có vô thường v.v... xong, đối với cõi khác không đồng phần giới, không hiện thấy uẩn, đều có thể dùng lý để so sánh, so lường, quán sát, nghĩa là cõi của phương khác kia v.v... tất cả hữu vi, hữu lậu khắp xứ của ba cõi v.v... Đối với tất cả hạt giống các uẩn trong tất cả ba đời, đều có nhóm hợp như thế, có sinh ra pháp quả, pháp hòa hợp khổ nạn, khổ đế sinh, già v.v... đều tùy theo các pháp của lý khổ, vô thường như thế. Nghiệp phiền não v.v... do tập đế đều có nhân, tập sinh ra tánh “duyên”. Nếu các hành này có pháp diệt, vắng lặng yên vui là diệt đế. Đạo mà người kia có có công năng trừ các “hoặc” rốt ráo ra khỏi sinh, tử, là đạo lý.

Đại ý đoạn văn này nói về hạnh quán, nghĩa là lấy uẩn mà xứ này hiện thấy đem so sánh với uẩn v.v... mà xứ khác không hiện thấy.

Từ đây trở xuống, là thứ ba, tổng kết hai trí, tức là trí có thể sinh

ra chỗ nương tựa của hạt giống pháp, loại trí.

Pháp sư Cảnh nói: “Từ trên đến đây, đã nói về ba phương tiện trước dựa vào định Vị Chí để tu, khởi tác ý liễu tướng, quán đế lý trên, dưới, tức chủ thể huân tập, phát tướng bản hữu hạt giống của pháp trí, loại trí trong kiến đế, khiến chúng được tăng trưởng, gọi là dùng làm chỗ nương tựa cho hạt giống”.

Pháp sư Thái nói: “Từ trước khi kiến đạo, pháp trí, loại trí quán về đạo. Sau, chân pháp, loại quán thành hạt giống nương tựa, lại đồng với hạt giống giải thoát của định ly tâm.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ý trong đây nói, do niệm xứ chung, riêng của năm pháp quán dừng tâm, tác động hạnh bốn đế này, tức là chỗ nương tựa của hạt giống loại trí vô lậu sau: 1) hữu lậu làm “duyên” vì dẫn sinh vô lậu, nên gọi là chỗ nương tựa của hạt giống, tức nghĩa mới huân tập (hun đúc). 2) Thời gian của năm pháp quán dừng tâm, cũng hay huân tập, tăng trưởng cho hạt giống vô lậu từ vô thủy. Hạt giống này ở trong phần vị của năm pháp quán dừng tâm, cũng gọi là phần vị gồm thân của tác ý liễu tướng, chủ thể phân biệt về khổ, sinh ra pháp trí, loại trí của kiến đạo ban đầu, gọi là chỗ nương tựa của hạt giống pháp, loại trí. Dưới đây, sẽ nói rõ về địa vị. Nghĩa là trên đã nói về tác ý liễu tướng của mười sáu hạnh, cũng vì phần vị xen lẫn của nghe, tư duy của cõi Dục ở Niệm xứ chung, riêng của năm pháp quán dừng tâm.

Trong giải thích về tác ý thắng giải, 1/ Kết, nêu tóm tắt giải thích trước. 2/ Giải thích rộng.

Trong phần trước, nghĩa là từ tác-ý liễu tướng, kế là, khởi tác-ý thắng giải. Lại đối với pháp của sự khác nhau của bốn đế, tận cùng tánh sở-hữu, phát khởi thắng giải. Bốn đế bình đẳng, một tánh Chân-như, như tánh sẵn có, phát khởi thắng giải ở bốn giai vị căn lành Noãn v.v...

Y cứ trong phần giải thích rộng, nói về bốn căn lành, tức là bốn đoạn: Đầu tiên, giải thích về pháp Noãn. Văn chia làm hai:

1) Nói về “duyên” Đế, tận cùng tánh sở-hữu, tu tướng tác-ý.

2) “Như thế, hành giả siêng tu hạnh Du-già” trở xuống, là nói về “duyên” như tánh sở-hữu, tạo ra hiện quán bốn Đế.

Trong phần trước, tác-ý như thế, chỉ “duyên” cảnh Đế hoàn toàn ở định. Pháp sư Cơ nói trong tác-ý này, muốn dứt trừ chỗ ngã-mạn, văn ở dưới nói: “Ngã-mạn của phẩm thô, gián, Vô gián chuyển. tác-ý thắng-giải này cũng ngã-mạn gián, Vô gián chuyển, vì sao chỉ nói hoàn toàn ở định, há không trái nhau ư?”

Giải nghĩa: “Ở trước đã nói về một tâm thiện của tác-ý liễu tướng

khi “duyên” một cảnh, vì nghe, tư-duy xen lẫn đồng “duyên”. Nay, khi thắng giải khởi hoàn toàn là thiện, lúc “duyên” mỗi cảnh, không bị xen lẫn bởi nghe, tư-duy, hoàn toàn ở trong định. Vì phân biệt với liễu tướng kia, nên nói một bề (hoàn toàn).

Y cứ vào nhiều thời gian ở một ngữ quán của tâm thiện, chứ chẳng phải không có xuất quán khởi lên ngã-mạn và lui sụt sinh “hoặc” khác v.v... Không muốn nói về điều phục ngã-mạn, mà nói thật được ngã-mạn, nên nói “gián, Vô gián chuyển”.

Nay, do thắng-giải phân biệt với liễu tướng, nên y cứ vào thời gian dài ở quán, chứ chẳng phải như hiểu rõ tướng vì nghe, tư-duy gián đoạn, không được nhập quán trong thời gian dài, nên nói hoàn toàn, chẳng trái nhau. “Rằng sinh tử trôi lăn, các pháp như thế vô biên v.v... Nghĩa là một đoạn này nói đủ bốn đế vô biên. Tư duy Văn, y cứ theo đây mà biết.

Pháp sư Thái nói: “Các pháp sinh, tử không có nương tựa, không có gìn giữ, không thể cho là đối tượng nương tựa, cho nên khởi không có dựa vào hạnh, đều không có gì hy vọng, vì chỉ có tại họa lỗi lầm. Nên khởi công hạnh vô “nguyện”.

Pháp sư Cảnh nói: “Dù chán khổ, tập ưa thích Niết-bàn, nhưng vẫn chưa thể với tâm sâu sắc thu nhập. Vì sao? Vì người kia vẫn còn ngã-mạn của phẩm thô, làm che lấp hiện quán.”

Tác ý tùy nhập gián, Vô gián chuyển: lúc tư duy về sinh tử trôi lăn, tâm kèm theo “ngã giải”, gọi là ngã mạn, nói là mang tâm của ngã, gọi là ngã mạn thô, tác ý tùy nhập với tác ý thắng giải, tâm quán bốn đế gián, Vô gián chuyển, tác động tư duy này, cho đến các pháp ấy là sở hữu của ngã v.v... Xuất ly ngã mạn của phẩm thô, người kia đã biết ngã mạn như thế là chướng ngại, cho đến tùy theo công hạnh của tác ý, siêng năng tinh tấn, không có gián đoạn v.v... e rằng, lại khởi ngã-mạn kia làm che lấp nữa. Tác ý chế phục cảnh sở tri, thu nhập Niết-bàn, chuyên chú rỗng rã không có gián đoạn. Lúc tâm sau khởi, quán sát tâm trước là tà hay chánh? Siêng năng tinh tấn, giữ gìn không gián đoạn, làm cho ngã-mạn kia không chấp nhận được sinh”.

Pháp sư Thái nói: “Người tu hành kia không thu nhập, chỉ khởi tu tác ý nhậm vận (tự nhiên). Người kia đã biết ngã-mạn che lấp xong, bề có thể nhanh chóng siêng năng tinh tấn không có đứt quãng, xả tác ý tự nhiên mà mình đã tu ở trước. Như thế, mãi cho đến dùng tâm quán sau để “duyên” tâm quán trước, nên lìa bỏ tướng sở duyên, (đối tượng duyên).

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Người tu hành kia đã nhận biết rõ ràng, cho đến tác ý thu nhập, nghĩa là tác ý tùy chuyển này tức ngã mạn ở trước, do nội ngã này tùy theo pháp có thể nhập, gọi là tác ý tùy nhập.”

Tác ý thu nhập. Nghĩa là tức ở ngay sinh tử, đã từng trôi lăn từ lâu, sẽ còn trôi lăn nữa, cho đến vô tướng chân như. Vô tướng này “duyên” cảnh ngoài mà sinh, gọi là tác ý thú nhập. Người tu hành kia tùy theo tác ý này, mà chuyên tình không gián đoạn, quán sát chân lý của bậc Thánh. Tâm quán sát-này đã có lúc diệt, tâm sau không gián đoạn, quán sát phương tiện trôi chảy. Tâm quán sát trước mất, tâm quán sát sau sinh. Dùng tâm sau, “duyên” tâm trước, siêng năng tinh tấn không thôi. Do nghĩa này, nên ngã mạn của phẩm thô không chấp nhận được sinh, là ý vẫn trong đây.

Từ đây trở xuống, là thứ hai, nói về duyên; như tánh sở hữu tạo ra quán bốn đế. Như thế, hành giả quán tâm nối nhau, xoay vần riêng, khác mới mới mà sinh, hoặc tăng, hoặc giảm v.v... Pháp sư Khuy Cơ nói: “lúc hành giả tạo ra hành quán, niệm niệm càng thêm vượt hơn, gọi là hoặc tăng. Nếu không vượt hơn thêm, gọi là hoặc giảm. Tạm thời có “suất nhĩ” một (niệm sát-na) sinh trước, sau. Đã có tăng, giảm, đổi thay, biết rõ là vô thường, tức tâm quán này đã nhập thủ uẩn, biết rõ là khổ. Không như thật, chấp là thật pháp, chỉ là pháp khổ, gọi là tâm quán tánh không là khổ, thật pháp bị chấp là khổ. Vì quán lìa pháp thứ hai, nên không có thật. Thứ hai, là chấp luống dối có thật, gọi là “không”, không có dụng tự. Tại, gọi là hạnh vô ngã; là ý trong đây tức “duyên” đạo đế là vô thường v.v... Vì y cứ giống như tâm thật quán là khổ đế, vì là hữu lậu.

Nay, y cứ thuận với nghĩa xuất thế. Lại vì nghĩa hữu lậu, vô lậu trong địa vị này, nên nói là Đạo đế. Nếu y cứ ở nghĩa này cũng “duyên”. Đạo đế là vô thường v.v... Nay vì y cứ ở nghĩa thật, nên là khổ đế”.

Pháp sư Cảnh nói: “Biết chỉ có tâm, không có ngã pháp thứ hai, gọi là “không”. Khổ, tập, diệt, đạo đế, chính ngộ nhập, nghĩa là chuyển gần với kiến đạo. Hạnh quán dần sáng, gọi là chánh ngộ nhập. Chẳng phải hiện quán này gọi là ngộ nhập. Hạnh quán tăng dần, lìa sự phân biệt, nên nói: “Năng duyên” “sở duyên” (chủ thể duyên, đối tượng duyên) bình đẳng, bình đẳng chánh trí được sinh.”

Kế là, nói về Đảnh và Nhẫn.

Pháp sư Cảnh nói: “Bốn căn lành kia yên ổn thọ đế lý, đều gọi là nhẫn, chỉ dùng ba phẩm để lập Noãn, Đảnh và Nhẫn.

Pháp sư Thái nói: “Học làm nhân không vì quán vô ngã, nên bình

đẳng, bình đẳng cũng ấn đế lý, nên đều gọi là Nhãn.

Thứ tư, trong giải thích về pháp thế đệ nhất, hành giả kia đã như thế, cho đến trụ ở không có gia hạnh, không có tâm phân biệt.

Nghĩa là hành giả kia từ trên đến đây đã tu tập nhiều, nên đã lìa gia hạnh, trụ ở tâm vô phân biệt; giống như không có đối tượng duyên, mà chẳng phải không có duyên.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trí vô phân biệt vắng lặng, sâu kín, gọi là đó là Diệt. Nay, trí này giống như trí kia, gọi là dường như diệt. Lại, trí vô phân biệt diệt tâm quán phân biệt, gọi là “diệt”. Lại diệt, định, gọi là diệt. Vì tâm vi tế giống với diệt định kia, nên gọi là dường như “diệt”. Trí vô phân biệt không có đối tượng duyên (sở duyên) của ảnh tượng. Nay, không có tướng trạng này giống với trí kia mà vì có ảnh tượng, nên nói giống như không có đối tượng duyên. Lại, cảnh sở hữu này vì biểu hiện ở trước, nên chẳng phải không có đối tượng duyên. Tâm sâu kín dường như không có “duyên” mà chẳng phải vô duyên. Lại, trí vô phân biệt lìa có phân biệt; xa lìa các tướng; và xa lìa các “hoặc”. Nay, vì trí này dường như trí kia, nên nói dù giống xa lìa mà chẳng phải thật xa lìa”.

Pháp sư Cảnh nói: “Dù dường như xa lìa, mà không xa lìa, nghĩa là các thiện căn như Noãn v.v... tùy từng phần vắng lặng, giống như tâm Chân Vô lậu xa lìa thể là hữu lậu mà chẳng phải xa lìa.”

Pháp sư Thái nói: “Không có tâm, gọi là xa lìa. Lại, lúc bấy giờ, không bị che lấp bởi thù-miên tốt, đến đây không như thế.”

Pháp sư Cảnh lại giải thích: “Ở đây nói là nêu lên, chứ chẳng phải chỉ thị rõ trụ này không có tướng như thế trong Noãn v.v... Nay, giải thích trụ ở pháp Thế đệ nhất không có tướng như thế, tức đối với tâm vắng lặng như thế, trụ cùng cực, gọi là pháp thế đệ nhất, nghĩa là tâm vắng lặng đối với bốn thiện căn, trụ một niệm sau cùng đối với các đế lý, khởi tác-ý nội, gọi là pháp thế Đệ Nhất. Ở đây có hai giải thích:

1) “Dùng văn này để chứng minh pháp thế đệ nhất, “duyên” chung bốn đế, tạo ra quán vô ngã. Luận đã nói: “Vì các đế lý thánh, nên biết chẳng phải một đế. Văn này thuận với kinh Niết-bàn nói là pháp thế đệ nhất cũng “duyên” bốn Đế, không đồng với luận Tiểu Thừa chỉ “duyên” “Khổ đế.”

2/ “Pháp Thế đệ nhất chỉ “duyên” một đế, đồng với luận Tiểu thừa nói. Nay, cách hành văn này nêu chung, lấy riêng, nghĩa là đối với đối tượng quán như Noãn v.v... ở trước, một khởi tác-ý nội tại trong các đế lý của bậc thánh. Như kinh Niết-bàn nói là “duyên” bốn đế. Ngài

Viễn-công giải thích: “Quán đế có hai thứ:

1/ Đắc tu, hiện-tại sanh khởi.

2/ Đắc tu, vị lai sẽ thành.

Pháp Thế Đệ Nhất hiện tại đã tu, dù quán một Đế, một hạnh. Vị lai đối với bốn Đế tăng rõ ràng. Nay, y cứ ở đắc tu, gọi là “duyên” bốn đế. Nay, giải thích kinh Niết-Bàn kia cũng nêu chung, lấy riêng, vì dù nêu chung bốn Đế mà ý thì lấy khổ đế.”

Trong giải thích về tác-ý xa lìa, từ vô-gián này cho đến hiện thấy trí sinh v.v... Pháp sư Cảnh nói từ vô-gián của pháp Thế đệ. Nhất này các đế lý thánh, đến pháp Thế đệ nhất về trước đã quán các đế-ly của bậc thánh, khởi tác-ý nội. tác-ý Vô gián tùy theo các đế đã được quán theo thứ lớp ở trước. Hoặc bốn đế cõi Dục là hiện thấy; hoặc bốn đế của hai cõi trên, gọi là chẳng phải hiện thấy. Như thứ lớp của pháp Thế đệ nhất kia, có trí quyết định vô phân biệt của Kiến đạo hiện thấy trí sinh. Do trí sinh này nên tất cả thô nặng kiến hoặc của ba cõi, đều dứt trừ hẳn”.

Pháp sư Thái nói: “Từ chân Kiến đạo Vô gián này, về sau, ở trong tướng Kiến đạo, quán lại các đế đã nói ở trước.

Trên đây luận rằng: “Tâm xuất thế sinh, tức là chân kiến”.

Pháp sư Bị thuật lại hai nghĩa, nói là phân biệt về tiền phương tiện của tướng kiến đạo đã có pháp trí, loại trí, ở trong chân quán, nên biết cũng có. Nhưng pháp loại trí dù có nhiều thứ, nhưng quán sát ý văn này là muốn nói về pháp, quán danh loại trên”.

Lại giải thích: “Y cứ chân Kiến đạo, chỉ khi một niệm tùy phương tiện chia ra bốn Đế Trí, cho nên nói: “Như thứ lớp”. Với người độn căn kia, quán riêng bốn Đế, nên nói “Như thứ lớp”, cách giải thích trước hay hơn.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Từ Pháp thế Đệ Nhất Vô gián ở trước, từ pháp Đệ nhất trước đã quán các Đế Lý của bậc Thánh, nay, đối với chân Kiến đạo Vô gián, khởi tác ý nội. Tác ý Vô gián của chân kiến đạo này tùy theo các Đế đã quán khi pháp Thế đệ nhất ở trước trong tướng Kiến đạo. Hoặc ở đây cũng hiện thấy, ở nơi khác không đồng phần của phương khác, không hiện thấy trong Đế lý các bậc Thánh. Như thứ lớp khổ, tập v.v... hữu lậu, vô lậu, không có phân biệt quyết định. Không do người khác dẫn, tự sinh nghi, trí hiện ở trước, do hiện lượng chứng trí sinh, chứ chẳng phải như kiến đạo ở trước, tức có phân biệt nghi, có thể so sánh suy lường mà sinh, là ý trong đây. Lại, chứng từ pháp Thế đệ nhất Vô gián trước, gọi là từ Vô gián này; nay, ý muốn

giải thích chân kiến đạo khó biết, vượt qua nói là tướng kiến đạo, bèn giải thích đã từ nơi chốn Vô gián, tức pháp Thế đệ nhất. Nay bèn thành trước nghĩa là ở trước đã quán đế lý các thánh, khởi tác ý nội, tức là thời gian của pháp thế đệ nhất. Vô gián tác ý này tùy theo các đế đã quán theo thứ lớp trước kia trong tướng kiến đạo, hoặc hiện thấy, không hiện thấy, trí quyết định hiện thấy trí sinh, cũng là ý trong đây.

Nói về sự dứt trừ hẳn này, nếu người trước đã lìa tham cõi Dục, cho đến không còn sinh trở lại thế gian này nữa. Trong đây, y cứ ở trước đã dùng đạo thế gian để chế phục dục ở cõi Dục. Nay khi nhập kiến đạo chứng quả Bất Hoàn, tức là siêu việt người Bất Hoàn. Nay lại y cứ ở lìa Bất Hoàn của cõi Dục, không biện luận (bất luận) cho đến người ở trước đã lìa Vô Sở hữu xứ.

Cuối quyển trước nói về người thế gian lìa dục, với tướng oai nghi vắng lặng, nói năng thuần hậu, nghiêm túc, mà không có cử chỉ vội vàng, giao động v.v... Nay người này giống với người kia, nên nói: “Phải biết không khác v.v... Lại, dù giống nhau nhưng vẫn có một vài điểm khác nhau, nghĩa là người Bất Hoàn không sinh trở lại cõi Dục, tức ở nơi kia nhập Niết-bàn. người thế gian lìa dục thì không như thế, nên có khác nhau.

Do trí “Năng tri” hòa hợp với cảnh “sở tri” không trái. Vì quán sát hiện ở trước, nên gọi là hiện quán, cho đến Bà-la-môn v.v... phải biết cũng thế, nghĩa là lúc nhập kiến đạo, chứng như vì cảnh như vô tướng, nên trí kia cũng vô tướng. Hai vô tướng hòa hợp, chủ thể duyên, đối tượng duyên (năng duyên, sở duyên) không trái nhau. Vì quán sát hiện ở trước, nên gọi là hiện quán.

Giải thích về danh nghĩa hiện quán, như một người sát-đế-lợi với sát-đế-lợi hòa hợp một chỗ, không có ý trái nhau, do chủng tánh đồng, mà là một loại, cũng gọi là hiện quán. Bà-la-môn v.v... phải biết cũng thế. Ở đây cũng thành tựu rất nhiều tướng trạng v.v... Nghĩa là nói về người nhập kiến đạo có mười hai tướng trạng.

1- Chứng lý quán, đạt được bốn trí:

a) Chỉ pháp trí, nghĩa là lúc ở phàm phu, chấp vọng chấp là thật ngã. Nay, nhập kiến đạo, bác bỏ thật ngã, chỉ có ở pháp.

b) Trí chẳng phải đoạn.

c) Trí phi học, nghĩa là lúc ở phàm phu, vọng chấp đoạn, thường. Nay, nhập kiến đạo, lìa chấp đoạn thường tức trí chẳng phải đoạn, trí chẳng phải thường. Ở đây, y cứ phân biệt đoạn kiến, không biện luận về tu đoạn kiến.

d) Trí duyên sinh, như sự huyễn. Nghĩa là khi ở phàm phu, vọng khởi tà kiến, kiến thủ, giới thủ. Nay, nhập kiến đạo, vì khéo tìm kiếm; mong cầu, nên quán thấy các pháp. Ở đây do như sự huyễn, không như đối tượng chấp của ba kiến kia v.v... đây là tướng trạng thứ nhất.

2- Đối với cảnh giới, quên mất, khởi sự trói buộc mạnh mẽ, nhay bện, tác ý thì bỏ ngay.

3- Rốt ráo không rơi vào đường ác vì đường ác cũng có đạo đối trị.

4- Không cố tư duy phạm giới.

5- Không lui sụt, bỏ dỡ điều mình đã học.

Pháp sư Cảnh nói: “Vì đã dứt trừ hạt giống “Hoặc”, nên không có lui sụt, bỏ dở quả vị tu học”. Pháp sư Cơ nói: “Được trí quyết định, nên đối với pháp đã học, tất nhiên, sẽ không lùi bước, đổi thay, bỏ dở điều mình đã đạt được.”

6- Không tạo nghiệp năm Vô gián.

7- Nhất định biết khổ, vui chẳng phải tự làm v.v... Pháp sư Cảnh nói: “ Nhất định biết niềm vui chẳng phải do thần ngã làm ra; cũng chẳng phải trời Tự tại kia đem đến; cũng chẳng phải hai vị đó chung tạo ra cũng chẳng phải không có giả danh kia, mình người tạo ra và không có nhân tạo ra.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì tỏ ngộ các pháp duyên sinh, nên dứt bỏ chấp tự tác v.v... trong nhân.

8- Chung qui không mời thỉnh ngoại đạo làm thầy, khởi tướng ruộng phước.

9 - Chung qui không ngắm xem miệng và dung nhan diện mạo của các Sa-môn. Bà-la-môn v.v... khác, cho đến đạt được dứt mọi sự sợ hãi, có nghĩa là không tin đạo khác, xuất gia, thọ học; chỉ dùng pháp trí, thấy pháp trí loại trí, được pháp từ giáo huấn của đấng Đại sư, sinh niềm tin quyết định. Cho nên được không có sự sợ hãi đối với các pháp. (Việc này như trong pho thứ chín dưới đây có giải thích rộng). Đối pháp quyển chín cũng có giải thích.

10 - Cuối cùng không chấp giả dối những điềm tốt lành của thế gian, cho là thanh tịnh. Nghĩa là chỉ biết Đức Phật là bậc thanh tịnh.

Điềm lành của thế gian, nghĩa là người đời chấp giả dối điềm lành của thế gian. Chẳng hạn như khi sắp ra đi, nhìn thấy nước sạch, hương hoa, là tướng điềm lành khi đi.

11- Cuối cùng không còn sinh hữu thứ tám, chỉ bảy lần sinh v.v...

12- Chứng đắc bốn bất hoại tịnh.

Trong giải thích về tác ý quán sát, đầu tiên, là phân tích sơ lược, sau, giải thích rộng.

Trong phần trước lại có hai:

1) Nói về dứt “tu hoặc” được tướng của hai quả.

2) Nói về quán sát trong xả. Đầu tiên “Lại từ đây về sau” cho đến “Phải biết cũng thế”, nghĩa là có mười hai tướng đồng với sơ quả.

“Nhưng một ít sai khác, cho đến nhanh chóng dứt trừ”, nghĩa là với tướng riêng thứ hai của người chứng Sơ quả, chỉ một lần sinh trở lại thế gian này. Đây là sự khác nhau của tướng thứ mười một với người Sơ quả. Kết hợp hai quả đầu có hai tướng khác nhau được quả Bất Hoàn. Như tướng Bất Hoàn lúc siêu việt nhập Niết-bàn.

“Phân biệt quán sát rằng: “phải biết cùng cực trong đây mà chính thức tu tập, nghĩa là tác ý quán sát đi suốt qua chủ thể quán sát” tu hoặc” của ba cõi đã dứt, chưa dứt là đạo thắng tấn (tinh tấn vượt hơn). Nhưng đối với đạo Vô gián chánh đoạn của tu đạo là tác ý lạc từ dứt chín phẩm cõi Dục, cho đến tám đạo Vô gián của Phi tướng là tác ý rốt ráo gia hạnh. Trong đây chỉ nêu đã dứt “tu hoặc” của cõi Dục, được hai quả giữa, không nói chủ thể trị gồm thâm tác ý lạc. (Việc gồm thâm tác ý lạc, vẫn sau sẽ nói).

Trong giải thích rộng thứ hai, lại chia làm hai:

1) Hỏi đáp để nói rộng về phẩm loại khác nhau của thể dụng tu đạo.

2) “Như thế, đối với tu v.v...” trở xuống, là nói về quán sát ở giữa. Trong phần trước nói: “Nghĩa là do tác ý của Địa định, chung cho hai pháp định, tuệ của Thế gian, xuất thế gian. Vô gián ân cần trân trọng hai tu tự tánh định.

Pháp sư Thái nói: “Tác ý của Địa định là tu tự tánh. Do hai tu, nên chứng tự tánh của định kia. Lại, có thể hội nhập cảnh đã chứng.

Trong tám thứ tu nghiệp, Pháp sư Cơ v.v... giải thích: Do tu nên được, nghĩa là “đắc tu”, do tu nên tập, tức “tập tu”. Nếu ở trước đã được, chưa khiến hiện ở trước, chỉ do tu tập pháp chủng loại kia, sẽ khiến hiện ở trước, khiến chuyển thành tịnh, tươi tấn sinh khởi, gọi là tu, nên tịnh, đây tức ở vào thời gian Pháp Trí, hạt giống của loại trí kia cũng thành tựu, nên gọi là ở trước đã được. Do khi tu tập hạt giống của Pháp trí kia, tức giúp cho hạt giống của loại trí. Đến thời gian Loại Trí, hạt giống này sinh ra Loại Trí, khiến chuyển thành thanh tịnh, tươi tấn sinh khởi, gọi là tu nên tịnh, tức khi Pháp trí tu hạt giống của Loại Trí, làm cho thanh tịnh, lại là lý do sinh loại trí.

Lại, như Kiến đạo trước đã huân tập tăng trưởng hạt giống vô lậu, nhập Kiến đạo, sinh pháp trí v.v... Lại, sở dĩ hạt giống được thành tựu là do tu, nên được. hiện hành thành thực, gọi là do tu nên tập. Tư tại thành tựu, gọi là do tu nên tịnh, là ba thành thực. Nếu đã sinh “hoặc”, có thể diệt đoạn, thì gọi là do tu nên dứt trừ. Các “hoặc” chưa sinh, thì khiến chúng không sinh, biết rõ như bệnh v.v... gọi là do tu nên biết. Dưới đây nói về tu phẩm loại có mười một thứ. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ở đây giải thích đạo Vô gián, chủ thể đoạn, không nói đạo gia hạnh, là vì Đối pháp nói định Kim Cương dụ đều lấy đạo gia hạnh, chẳng phải nghĩa chân thật. Nếu dứt hạt giống chỉ có đạo Vô gián, nếu chế phục hạt giống thì đạo gia hạnh cũng có nghĩa này. Luận Đối Pháp kia vì y cứ ở nghĩa chế phục hạt giống, nên định Kim Cương dụ cũng lấy đạo Gia hạnh. Luận này vì y cứ ở dứt hạt giống khó, nên chỉ đạo Vô gián. Người tu đạo Thắng Tấn, nói là do đạo này nên mới cùng cực, hoặc chưa khởi sự thu hưởng địa vị rốt ráo. Pháp sư Thái nói: “Thắng Tấn có hai:

1/ Chưa khởi sự thu hưởng Gia hạnh của Địa sau đến nay, đều gọi là đạo Thắng Tấn. Luận nói: “cho đến” là ý ở đây.

2/ Y cứ ở dứt “hoặc”, phẩm thứ tám chưa hết, tâm của đạo hạnh thứ chín hưởng đến địa vị Vô học, đều gọi là Thắng Tấn. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đây là y cứ sau khi chưa khởi gia hạnh đối trị phiền não phẩm hạ đến nay, các sở hữu quán dần, tu tập phát tâm v.v... là đạo Thắng Tấn của đạo Đối trị ở trước. Lại được Sơ quả về sau hưởng đến cầu quả thứ hai, thứ ba chưa thu nhập địa vị rốt ráo Vô học mà có thể phát tâm tu hành v.v... là đạo Thắng Tấn ở trước.”

Hỏi: “Khởi gia hạnh phẩm sau, vì sao không là đạo Thắng Tấn ở trước?”

Nghĩa là: “Nay, tác pháp riêng, gia hạnh sau “duyên” phẩm sau, vì tùy theo nghĩa này, nên không lấy, thật ra cũng là nghĩa này. Không lấy, thật ra cũng là nghĩa này. Lại, đã dứt “hoặc” của phẩm thứ tám của Phi tưởng đến nay, chưa dứt “hoặc” của phẩm thứ chín, thành tựu sở hữu cđường ác của địa vị rốt ráo, là đạo thắng. Tấn của đạo đối-trị phẩm đầu cõi Dục. Lại là đạo thắng-tấn của người chứng quả thứ ba dứt “hoặc” cõi Dục. Hoặc đến đạo Vô-gián thứ chín của Phi tưởng, cũng là đạo Thắng-tấn. Nếu là đạo giải thoát thứ chín. Vả, không gọi là thắng tấn, do được quả giải thoát là giải thoát thêm vượt hơn, gọi là đạo giải thoát. Nay, với nghĩa “đều được” trong đây chẳng phải tác Phác-pháp đủ.

Trong mọi lúc, đối với pháp đáng nhàm chán, cho đến gọi là pháp gồm thâm tác-y lạc, đây là phần thứ năm, giải thích về sự gồm thâm tác-

ý lạc. Quyển trước nói gồm thâm lạc. Về sau, nói về quán-sát. Quyển này, trước nói về quán sát, sau, nói về gồm thâm lạc, Nghĩa là trước đây, y cứ ở đạo thế tục lìa dục cõi Dục, hội nhập bảy thứ tác-ý của Sơ Tĩnh-lự, là nói thuận theo thứ lớp. Nay, ở đây, y cứ chung, lìa “tu hoặc”, chứng hai quả giữa, nhằm nói về quán-sát kia dứt và chưa dứt, sau đó, nói lược về gồm thâm lạc, chung cho cả bốn đạo.

“Kia tức ở đây” trở xuống, là thứ sáu, giải-thích gia hạnh rất ráo, nghĩa là từ dứt “tu hoặc” của cõi Dục, cho đến tám Vô-gián chưa hết của Phi-tướng, là sức của tác-ý gồm thâm lạc. Nếu người còn bị ràng buộc đủ tu được định này, thì có thể dứt trừ hẳn tất cả phiền não. Nhưng chủ yếu do dứt tám phẩm “tu hoặc” của Phi-tướng, mới được định này. Khi được định này rồi, thì dứt hết “tu hoặc”.

“Từ Tam-ma-địa vô-gián của định Kim-cương dụ này trở xuống, là thứ bảy, nói về quả rất ráo, trong đó có ba:

1/ Nói về thể của quả hữu vi, vô vi, để nêu giai vị kia.

2/ “Lại, lúc bấy giờ đến cùng cực rất ráo v.v...” trở xuống, là nói lại đức tốt của La-hán.

3/ “Phải biết rằng tác-ý thuộc định Kim-cương dụ trong đây v.v...” trở xuống, là đối nhân lập quả.

Trong phần trước nói: “ Các lậu đã hết, nghĩa là do ba lậu hết, nên sự sống cũng đã hết, tức là sự sanh tử của ta đã hết; việc làm đã xong, không còn làm nữa, nghĩa là trí của việc làm đã xong.

Chứng đắc nghĩa của mình, nghĩa là do tu rất ráo thánh đạo, nên chứng nghĩa lợi của quả mình, tức là trí của Phạm-hạnh đã lập.

Hết sạch các kiết “hữu”, nghĩa là kiết “hữu” hết, nên không thọ “hữu”, tức trí không thọ “hữu” sau.

Trong ba trụ. Pháp sư Cơ giải thích: “ Thánh trụ, nghĩa là không, vô nguyện, vô-tướng, diệt định. Trong các luận, chỉ có ba môn giải thoát là Thánh-trụ. Nay, lấy diệt định, vì vô-tướng nên tức nhiều trụ cũng ở trong trụ. Các Luận y cứ ở Tác-pháp của ba giải thoát. Ở đây thông suốt qua sự thật để luận nên không trái. Lại, hội Chánh là Thánh. Chủ thể chứng Chánh-pháp của Thánh, gọi là Thánh trụ, tức chỉ có ba môn giải thoát, nếu đối với bậc Thánh thành tựu thì gọi là Thánh trụ, tức là Diệt-định cũng phải. Bốn Thánh còn lại v.v... không lìa Đạo đế, có tâm hội chánh nghĩa là trụ. Nay diệt định vô tâm, không hội nghĩa chánh, nên các luận không có. Luận này vì y cứ ở thành tựu nên có.

Trong Thiên-trụ, các luận chỉ nói bốn tĩnh-lự. Nay, luận này chung cho cõi Vô-Sắc, là lấy nghĩa định, tuệ đồng đều, y cứ ở tiêu-biểu tên

trời, nghĩa là chỉ nói bốn thiên, tức các luận, như đối-pháp quyển mười nói nếu nghĩa hữu, vô lậu, lại “hữu” cũng gọi là trời, thì Vô-Sắc cũng đúng, nên trong đây thông qua không trái Vô-Sắc. Lại vì y cứ ở có định trong sáng, nên gọi là trời, Vô Sắc cũng có định Quang Tịnh nên gọi là Trời, tức cũng là Thiên trụ. Như tác Pháp chân thật của văn này.

Kia y cứ một nghĩa, thứ hai lại nói trong thắng đức có ba mươi hai pháp, cho đến rốt ráo cùng cực, nghĩa là do đến quả Vô-học, nên quả này là bậc nhất.

Rốt ráo Vô-cấu, là thứ hai, La-hán dứt hết “hoặc” của ba cõi.

Rốt ráo chứng được bờ mé của phạm hạnh, là thứ ba, nghĩa là người vượt qua phạm-hạnh của hạnh hữu học, vẫn chưa đạt đến cùng cực. Nay, Vô-học đã đạt đến bờ mé.

Tánh lia các then chốt. Nghĩa là phiền não của ba cõi bám trụ hữu tình, không cho thoát ra khỏi, cũng như ổ khóa cửa. Bậc Vô-Học đã dứt lia khóa đó, tức thú tứ.

Đã ra khỏi hầm sâu, tức thứ năm, lia bốn bực lưu dòng thác đã vượt qua hào sâu, tức thứ sáu, lia bốn ách. Đã bẻ gãy, chế phục Y-sư-ca kia, đây là bậc Thánh chân thật, tức thứ bảy. Ở phương Tây có ngọn núi tên là Y-sư-ca, cao chót vót. “Pháp sư Cảnh nói Đỉnh núi cao này là dụ cho ngã-mạn, tự đề cao mình lên”. Pháp sư Khuy Cơ nói: Ví như phiền-não của Hữu đánh cũng cao hơn hết. Bậc Vô-học lia “Hoặc” Hữu đánh, như bẻ gãy Y-sư-ca.

Diệt hết Cờ Cao. Pháp sư Cơ nói: Diệt hết ngã-mạn, là thứ tám.

Đã dứt bỏ năm chi, tức là thứ chín. Pháp sư Cơ nói: “Đã dứt trừ năm kiết phần trên và năm kiết phần dưới.” Pháp sư Cảnh nói: “Chỉ dứt năm kiết phần trên, thành tựu sáu chi, tức là thứ mười”. Pháp sư Cảnh nói: Thành sáu chi thường trú, Pháp sư Cảnh nói: Thành-tựu sáu niệm, lại thành sáu chi phép tắc đã thực hành v.v...

Nay, nếu dựa vào kinh A-hàm để giải thích văn này thì nên nói: “Đã dứt năm cái, được sáu hằng trụ. Cho nên, kinh A-hàm nói về quả La-hán: “Diệt hết năm cái, che chở sáu trụ, diệt hết một thân, niệm hàng phục ma”, chỉ văn dưới đây nói: “Thành sáu Hằng trụ”, thì cần gì phải nói lại?

Một bề giữ gìn che chở bốn đối tượng nương tựa thứ mười một. Gìn giữ che chở bốn y như, y pháp, không y nhân v.v... Lại bốn Y chỉ như thường khát thực, mặc y phần tảo v.v... Lại thủ hộ bốn niệm trụ, gọi là bốn y chỉ, rất xa lia, tức là thứ mười hai, hữu học đã lia các đường ác v.v... Nay Vô học vượt hơn hữu học kia, gọi là rất xa lia, hoặc lia tà

hạnh (hạnh bất chánh); hoặc lia sát sinh v.v... vượt hơn Hữu học, riêng một Đế thật, tức là mười, ba, nói không lừa dối. Lại, lia nói dối, gọi là Đế thật.

Buông bỏ sự mong cầu tức là mười bốn, vì địa vị vùng cực, lại không có mong cầu. Lại không có không cho mà lấy, nên gọi là không mong cầu.

Không có tư duy vẫn đục, là mười lăm, chỉ tư duy thiện, vô ký vì không có nhiễm ô bất thiện, tư duy vẫn đục, lại, vì không có tư duy vẫn đục về tà hạnh. Lại không có tư duy vẫn đục về sát sinh.

Bốn thứ trên đây, là bốn thứ trước trong mười nghiệp đạo ác, cũng được.

Hành động của thân nhẹ nhàng, là mười sáu. Ở địa vị Hữu học, thân có cứng, nhám. Nay, ở địa vị Vô học thường được khinh an, nên hành động của thân nhẹ nhàng. Ý tức ý lạc. Tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, tức là mười bảy. Được câu giải thoát, hoặc chỉ tuệ giải thoát.

Riêng một mình làm bạn, nghĩa là vì hơn hết. Nên gọi là riêng một mình (độc nhất), chứ chẳng phải bạn hữu học v.v... khác, gọi là không có bạn, tức mười tám.

Chánh hạnh đã lập, tức mười chín. Nghĩa là hạnh nhập niết-bàn đã lập. Về danh đã gần gũi đáng Trọng. Phu vô thượng, là hai mươi. Nói là đồng với Phật, chứng “nhân không”. Gần gũi với Phật. Phật là đáng trọng phu vô thượng.

Thành tựu đầy đủ sáu pháp hằng trụ, cho đến ý chánh niệm, chánh tri, là hai mươi một.

Nói về thường trú nơi sáu hằng trụ. Sáu pháp hằng trụ lấy ba pháp: Xả, Niệm và chánh tri làm thể.

Người tu hành kia, bấy giờ nhận lãnh tham dục v.v... cho đến ngu si không có thừa, mãi mãi dứt hẳn là thứ hai mươi hai.

Lìa căn bất thiện của ba cõi. Vì tham, sân, si kia đều hết hẳn nên không tạo ra các thói quen xấu ác, gần gũi các người thiện là hai mươi ba.

Sáng suốt dứt ác, tu thiện. Tâm người tu hành kia như hư không, nước trong sạch, là hai mươi bốn. Tâm kia như hư không chẳng có ô nhiễm; như nước sạch không có vẫn đục. Lại, như hư không chẳng có ngăn ngại, như nước sáng sạch, như nước không có bụi bám, như hương Chiên đàn mâu nhiệm, khắp vì tất cả Thiên-Đế, Thiên vương, cung kính, cúng dường, tức là thứ hai mươi lăm.

Pháp sư Cảnh nói: “Như gỗ Chiên đàn thơm trên hết trong thế gian. Hương, được Thiên Đế, thiên vương kính trọng. Pháp sư Khuy Cơ nói: Như ở cung Thiên-đế có cây Chiên-đàn diêu hương được Thiên-đế, Thiên vương thường sanh cung kính. Lại, thân La-hán, như gỗ Đàn hương, nói là không có “hoặc”, vì tự tại, nên thường được Thiên-Đế v.v... cung kính, trụ Niết-bàn hữu dư y, là hai mươi sáu.

Nói về được Niết-bàn hữu dư, vượt qua biển sinh, tử, cho đến cũng gọi là nhập trì thân hậu hữu là công đức hai mươi bảy.

Nói về thân này được Niết-bàn, chỉ gìn giữ một thân. Nghiệp phiền não trước đây đã dẫn sinh các uẩn, cho đến diệt hẳn, nhập Niết-bàn, là hai mươi tám.

Nói được Niết-bàn vô dư; phải biết, trong đây có tướng như thế, cho đến thứ năm là không cất chứa, thọ dụng tư cụ các dục, là hai mươi chín.

Nói về không tập gân, gồm năm nơi chốn. Như thế, không thể vọng chấp khổ, vui v.v... cho đến không có nhân mà sinh, là thứ ba mươi.

Nói về biết các pháp từ duyên mà sinh, không sinh chấp lưỡng đối. Lại cũng không hay sợ hãi tất cả, sự không nên ghi nhận, là ba mươi một.

Nói vì đã biết pháp Phật, nên người khác hỏi, đều rất dễ hiểu.

Không sinh sợ hãi trong mười bốn việc không nên ghi nhận. Cũng lại, không thể ở trên mây v.v... là ba mươi hai. Vì nói vô ngã nên không sợ hãi.

Trên đây là ba mươi hai công đức của A-la-hán “tất cả như thế gọi là Địa Thanh văn v.v...” trở xuống là văn, tổng kết một địa, vì văn ít, nên gửi trong xứ Du-già xứ thứ tư.

Nói cũng như tất cả danh, cú, văn, thân là căn bản đã tạo ra văn chương; chú thuật, luận căn bản khác lạ. Pháp sư Cơ nói: “Văn chương, luận khác lạ, phải dựa vào danh, cú v.v... mới thành. Nay, hạnh Thanh văn phải nương vào giáo pháp tương ứng này. Giáo pháp là căn bản của hạnh kia, như danh, cú v.v...”

Nay giải thích: “Đây là nói lược về Địa Thanh văn, vì Thanh văn kia tương ứng với căn bản giáo rộng.

Địa Độc giác, nếu theo tiếng Phạm, thì gọi là Bát-Lặc-Ế-Ca-Phật-Đà, xưa dịch Bích-chi là lầm. Hán dịch là Độc giác. Khi mới phát tâm, cũng gặp Phật, tư duy pháp thế gian. Về sau, được đạo, thân ra đời không có Phật. Tánh ưa vắng lặng, không muốn cư trú ở chốn tạp nhạp,

tu gia hạnh viên mãn, không có thầy, bạn, giáo pháp, tự nhiên giác ngộ riêng mình, ra khỏi quả trong hành ở thế gian, nên gọi là Độc giác. Hoặc quán “duyên” đối đãi mà giác ngộ quả Thánh, cũng gọi là duyên Giác .

Như thế, chứng tánh Độc giác, phát tâm tu hành được quả. Tất cả, nói chung là Địa Độc giác.

Trong văn, 1/ Trước hết, sau triển khai. 2/ Chia ra năm môn để giải thích.

Trong giải thích chứng tánh, Pháp sư Cảnh nói: “Ba loại Độc giác: phiền não nhẹ nhàng kín đáo, gọi là Bạc trần. Đối với các hữu tình, từ bi, kém, mỏng, gọi là Bạc bi. Cầu giác ngộ một mình, được xuất ly, không có thầy, vô địch trong thế gian, gọi là Mạn hành loại. Pháp sư Thái nói: “Tánh chất của Bạc trần ở trước, vì phiền não mỏng, nên dứt trừ dễ dàng. “Hoặc” mạn trong phiền não rất mỏng và ít năng nề. Do tánh chất của mạn này nên mong muốn không có thầy”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Về chứng tánh, có ba hạng người. hoặc một người có đủ ba chứng tánh, một người có đủ tánh tùy tăng trong ba, nên nói có ba thứ; hoặc một người vì y cứ ba nghĩa nên nói trong ba thứ đạo”.

Pháp sư Cảnh nói: “Ở đây chính là nói về tu tập, nhập Thánh. Người đầu tiên trong đạo phương tiện ở trước, phải mất một trăm kiếp tu các thiện xảo như uẩn v.v... khi đủ một trăm kiếp rồi, đến thân sau cùng, điều phục Vô sở hữu để trở lại “tu hoặc”. Dựa vào Tĩnh lực thứ tư, khởi quán bất tịnh, cho đến rốt ráo. Người này lấy hai quả sau. Người thứ hai cũng là bản tánh Độc giác, gặp Phật, phát tâm tu đạo trong nhiều đời, cho đến nhân chỉ thủ của thừa, hay khởi ba căn lành, không thể nhập thánh chỉ tu các thiện xảo như uẩn v.v... bèn qua đời. Đến thân sau cùng, chế phục Vô sở hữu, để trở lại tu dứt phiền não, tùy nương địa nào trong năm địa, nhập hiện quán đế, vượt qua chứng Na-hàm, dứt trừ phiền não, mới chứng quả La-hán. Đôi khi người này trụ ba căn lành ở trước rồi qua đời, thọ thân. Ở thân sau, lại khởi hiện quán đế nhân như nhân v.v... được Sơ quả rồi dứt chung “tu hoặc” của chín địa, vượt lên chứng La-hán.

Người thứ ba cũng là Độc giác bản tánh. Gặp Phật, phát tâm tu đạo phương tiện, cho đến nhập thánh chứng pháp hiện quán, được quả sơ học, hoặc chứng quả thứ hai, chưa dứt hết lậu mà qua đời. Hoặc bảy lần sinh; hoặc thành Nhất Lai, sẽ không có Phật ra đời, thân nương tựa hai quả, không chứng Na-hàm, vượt lên chứng La-hán. Hai người sau

này đều là bộ hành ít nhất, không dưới bốn đời nhiều nhất không đầy một trăm kiếp, vì không bằng người đầu tiên.

Đại ý của thân thứ hai này nói về ba loại Độc giác, loại mới phát tâm tu đạo phương tiện. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Loại thứ nhất, khi mới phát tâm, gặp Phật, tu một trăm kiếp, đã thành quả Lâm giác. Luận này nói riêng, trải qua một trăm kiếp, đã gặp Phật đời. Lại giải thích trong một trăm kiếp, du đã tu hành hay đã chưa tu hành thiện xấu như uẩn v.v... trải qua một trăm kiếp đã gặp Phật ra đời, mới tu các thiện xấu như uẩn, ở thân sau mới thành đạo Lâm giác. Đạo thứ hai, trước gặp Phật được Phật nói pháp cho nghe, tu không đầy một trăm kiếp; hoặc chín mươi kiếp; thậm chí tu tập một kiếp xong, tu tập các thiện xấu như uẩn v.v... trong địa vị Noãn v.v... Với thân này không thể chứng quả cùng tột, hoặc chứng Sơ quả; hoặc bảy lần sinh gia gia, một lần qua lại Nhất gian v.v... Đến thân sau, được quả Độc giác.

Đạo thứ ba, gặp Phật, tu tập xong, với thân này được Sơ quả, hoặc bảy lần sinh “Gia gia”, Nhất gian, quả của một lần qua lại v.v... Lại tu các thiện xấu như uẩn v.v... đến đời đương lai sẽ chứng quả Vô học Độc giác. Nếu theo luận Trí Độ quyển hai mươi nói: “Bích-Chi-Phật có hai nghĩa:

- 1) Độc giác.
- 2) Nhân duyên Giác.

Như trên nói Độc giác: là người mới Thành đạo trong đời này, tự giác ngộ, không từ người khác nghe (không học hỏi với người khác) là gọi là Độc giác Bích-Chi-Ca-Phật. Độc giác-Bích-Chi-Ca Phật có hai loại:

1) Vốn là người khác, sinh trong người Học, là ở vào thời kỳ không có Phật, pháp Phật diệt, là Tu-đà-hoàn đã mãn bảy lần sinh, không nên sinh lần thứ tám, tự được thành đạo, là con người, không gọi là Phật, không gọi là A-la-hán, mà gọi là Tiểu Bích-Chi-Ca-Phật, không khác với A-la-hán.

2) Hoặc có người không phải là Đại A-la-hán như Đại La-hán Xá-Lợi-phất v.v... Đại Bích-Chi-Phật tạo nên công đức trí tuệ tăng trưởng trong một trăm kiếp, được ba mươi hai tướng phần; hoặc ba mươi một tướng; hoặc mười chín tướng trong ba mươi hai, cho đến một tướng trí tuệ thù thắng nhạy bén tong chín loại A-la-hán. Đối với tướng chung, tướng riêng trong các pháp sâu sắc, có thể nhập thu nhập tu tập định lâu, thường ưa ở một mình, với tướng như thế, gọi là Đại Bích-Chi-Ca-Phật.

Lại nếu theo luận Thập địa, lấy một hạnh, một quả để làm thuyết vượt hơn.

Trong tập, Ngài Tam Tạng nói: “Thân của người thứ hai ở trước đủ hai loại Thanh văn, Độc giác, nên đã gieo trồng phần thiện giải thoát của Thanh văn xong. Trải qua ba lần thọ sinh, lại gặp Phật ra đời, chuyển căn được thành chủng tánh Độc giác, có thể dẫn sinh phần thiện quyết định lựa chọn của Độc giác, để cho được hiện khởi. Ba quả đầu của người thứ ba kia, gặp Phật ra đời, chuyển thành Độc giác, chẳng phải phàm phu, cho nên quả Bất Hoàn được gọi là chỗ chí cực.

Pháp sư Cảnh nói: “Đạo phương tiện thành, lại tu tập, nhập quán để, tu tập môn trước của ba tướng đã xong, chỉ biết Độc giác thứ ba phát tâm chứng quả Thánh, không thể dứt hết lậu, mà còn phải trải qua thọ sinh nữa, hai quả ban đầu này chẳng phải Bất hoàn. Nếu là Bất hoàn, thì không thể hết lậu, trụ quả; Nếu qua đời thì sinh lên cõi trên. Vì không có Độc giác sinh lên cõi trên, nên biết Độc giác thứ ba gặp Phật, phát tâm tu đạo chứng quả thánh.

Không thể hết lậu mà qua đời, nghĩa là hai quả đầu tiên này. Kế là, văn tự phán quyết, người đầu tiên gọi là Lâm giác, hai người sau gọi là Bộ hành.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tập có ba thứ:

1) Như văn.

2) Tức sử dụng đạo trước có hai, nên tập cũng có hai, giải thích về trụ, như văn.

Trong Hành nêu chung tất cả, nói về hành tướng, chỉ hiện thân thông, không nói pháp, v.v... cho đến xưa nay, một bề hướng về vắng lặng.

Pháp sư Cảnh nói: “Theo đối pháp quyển mười ba nói”.

Bổ-đặc-già-la Độc giác thừa. Nghĩa là thực hành pháp tánh của Độc giác, hoặc nhất định, không nhất định là tánh bậc trung. Tự cầu giải thoát, phát chánh nguyện rộng, tu nhằm chán lìa tham, giải thoát ý lạc, một mình tu chứng Bồ-đề, tức Tạng Thanh văn là cảnh sở duyên, tinh tấn tu hành pháp tùy pháp hạnh. Hoặc ở trước chưa khởi, thuận với phần quyết trạch, hoặc ở trước đã khởi thuận phần quyết trạch hoặc ở trước chưa được quả, hoặc ở trước đã được quả, ra đời không gặp Phật, chỉ tư duy nội tại, Thánh đạo hiện ở trước. Hoặc như Lâm giác, Độc giác trụ, hoặc lại Bộ hành một mình vượt hơn, được dứt hết mé khổ. Nếu ở trước chưa khởi thuận với quyết trạch phần thì là người đầu tiên của Du-già. Hoặc ở trước đã khởi thuận với phần Quyết trạch, thì sẽ là hai người

sau của Du-già. Hoặc trước đó đã được quả, thì sẽ là người thứ ba của Du-già. Người đầu tiên thành Lâm giác, hai người sau thành Bộ Hành, cũng đồng với của Du-già.

Nói nếu nhất định, không nhất định. Nghĩa là người đầu tiên tu giải thoát trong một trăm kiếp, đến thân sau cùng, mới khởi Noãn v.v..., thì được hết lậu, khác với Thanh văn, gọi là nhất định. Người thứ hai, thứ ba gặp Phật, phát tâm, hoặc chỉ khởi Noãn v.v... hoặc cũng được nhập Thánh, chứng quả Dự lưu, đồng với Thanh Văn, gọi là Bất Định. Cũng có thể trong Thừa Độc giác, nếu chỉ thành thực chứng tánh Độc giác, thì đây gọi là nhất định. Nếu đều thành thực chứng tánh của Thừa khác thì gọi là Bất định. Cách giải thích trong văn, đồng với Du-già kia, chỉ nêu nhất định, nghĩa là đại khái không phân biệt Độc giác bất định. Đối Pháp lại nói: “Như nói người Dự Lưu có hai loại:

1/ Xuất ly dần, như thuyết trước nói.

2/ Xuất ly ngay, nghĩa là nhập hiện quán Đế xong, nương tựa Định Vị Chí, phát đạo xuất thế gian, dứt trừ ngay tất cả phiền não của ba cõi. Mỗi phẩm đều dứt riêng, chỉ lập hai quả, đó là quả Dự Lưu và quả A-la-hán. Do hai quả này, như thứ lớp kia, dứt trừ hẳn kiến tu phiền não của ba cõi, vì vô dư đã hiển bày, nên không lập hai quả trung gian. Vì chỉ dứt “tu hoặc” của cõi Dục, vì hữu dư, vô dư đã rõ ràng, nên lại dựa vào người xuất ly ngay như thế. Trong kinh nói Dự lưu Vô gián, tức lập La-hán, là người ở hiện pháp, hoặc lúc qua đời khéo nói ý chỉ của bậc Thánh. Dù không thể nói, do sức nguyện, nên sinh trở lại cõi Dục, ra đời không có Phật, thành quả Độc Thắng. Dù cho người không phân biệt được, vì chưa thể lìa các dục không có thừa, tức do sức nguyện sinh cõi Dục, người đó có thể sớm chứng bát Niết-bàn.

Đoạn văn sau này là nói bản tánh là Thanh Văn bất định. Được Dự lưu xong, muốn vượt lên chứng La-hán mà không thể phân biệt, tức do sức mong muốn ra đời không có Phật, để thành tựu quả Độc Thắng. Do nguyện này nên quay về cầu Độc giác, liền trụ Sơ quả, hoặc bảy lần sinh rồi, đến thân sau cùng, dứt hết kiết còn lại, chứng Độc giác. Đây gọi là Độc giác Thanh văn.

Nói: “Tất cả xưa nay hoàn toàn hướng về vắng lặng, nghĩa là vì tánh ưa vắng lặng, nên gọi là hướng về vắng lặng, chứ chẳng phải cho rằng đều là tánh quyết định thú hướng vắng lặng.

